

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Câu 1: Các dân tộc ít người ở nước ta phân bố chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

- A. Đồng bằng và duyên hải. B. Miền núi và trung du.
C. Đồng bằng và trung du. D. Trung du và duyên hải.

Câu 2: Vùng có mật độ dân số cao nhất ở nước ta hiện nay là

- A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3: Nhận định nào dưới đây **không** đúng về đặc điểm nguồn lao động ở nước ta hiện nay?

- A. Nguồn lao động dồi dào và tăng nhanh.
B. Người lao động còn hạn chế về trình độ chuyên môn.
C. Chất lượng nguồn lao động chưa được cải thiện.
D. Người lao động có kinh nghiệm sản xuất phong phú.

Câu 4: Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta hiện nay đang có sự thay đổi theo xu hướng nào sau đây?

- A. Tăng tỉ lệ trẻ em, giảm tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động.
B. Giảm tỉ lệ trẻ em và người trong độ tuổi lao động, tăng tỉ lệ người trên độ tuổi lao động.
C. Giảm tỉ lệ trẻ em, tăng tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động.
D. Tăng tỉ lệ trẻ em và người trong độ tuổi lao động, giảm tỉ lệ người trên độ tuổi lao động.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thành tựu của công cuộc Đổi mới kinh tế - xã hội ở nước ta?

- A. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.
B. Kinh tế tăng trưởng tương đối vững chắc.
C. Chênh lệch giàu nghèo trong xã hội đã được xóa bỏ.
D. Nước ta đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

Câu 6: Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào năm

- A. 1986. B. 1995. C. 1998. D. 2007.

Câu 7: Nhóm cây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt ở nước ta trong những năm gần đây là

- A. cây công nghiệp. B. cây lương thực.
C. cây rau đậu. D. cây ăn quả.

Câu 8: Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Tây Nguyên. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 9: Yếu tố tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng đến tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta?

- A. Đất trồng. B. Nguồn nước.
C. Khí hậu. D. Sinh vật.

Câu 10: Loại khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất ở vùng biển nước ta hiện nay là

- A. muối. B. dầu mỏ và khí tự nhiên.
C. cát trắng. D. ôxit titan.

Câu 11: Hai khu vực tập trung công nghiệp lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
B. Đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên.
C. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

- Câu 12:** Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

 - A. Chiếm tỉ trọng cao trong giá trị sản lượng công nghiệp.
 - B. Phát triển dựa trên thế mạnh về tài nguyên và lao động.
 - C. Sản phẩm chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước.
 - D. Thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 13: Tuyến đường bộ chạy dọc nước ta từ Lạng Sơn đến Cà Mau là

 - A. quốc lộ 5.
 - B. quốc lộ 1A.
 - C. đường Hồ Chí Minh.
 - D. quốc lộ 14.

Câu 14: Ngành nào sau đây **không** thuộc nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng?

 - A. Khách sạn, nhà hàng.
 - B. Dịch vụ cá nhân và cộng đồng.
 - C. Thương nghiệp, dịch vụ sửa chữa.
 - D. Tài chính và tín dụng.

Câu 15: Trong các địa điểm du lịch dưới đây, địa điểm nào là di sản thiên nhiên thế giới?

 - A. Cù Lao Chàm.
 - B. Hồ Ba Bể.
 - C. Vịnh Hạ Long.
 - D. Vườn quốc gia Ba Vì.

Câu 16: Tiêu vùng Tây Bắc thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh nổi bật nhất về

 - A. phát triển thuỷ điện.
 - B. khai thác khoáng sản.
 - C. đánh bắt thủy sản.
 - D. trồng cây lương thực.

Câu 17: Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của nước ta lần lượt thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

 - A. Đà Nẵng và Khánh Hòa.
 - B. Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng.
 - C. Đà Nẵng và Quảng Nam.
 - D. Quảng Nam và Khánh Hòa.

Câu 18: Ở Bắc Trung Bộ, hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi gò phía tây là

 - A. trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi trâu bò.
 - B. trồng cây ăn quả, cây lương thực và cây công nghiệp hàng năm.
 - C. trồng cây công nghiệp hàng năm và chăn nuôi trâu bò.
 - D. phát triển du lịch, trồng rừng và nuôi trồng thủy sản.

Câu 19: Cánh đồng muối Cà Ná ở nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

 - A. Ninh Thuận.
 - B. Bình Thuận.
 - C. Khánh Hòa.
 - D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 20: Ở vùng Đông Nam Bộ, cây công nghiệp nào sau đây có diện tích lớn nhất?

 - A. Cà phê.
 - B. Cao su.
 - C. Hồ tiêu.
 - D. Điều.

Câu 21: Tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

 - A. Quảng Bình.
 - B. Quảng Nam.
 - C. Quảng Ngãi.
 - D. Khánh Hòa.

Câu 22: Cây công nghiệp nào sau đây được trồng nhiều ở cả hai vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên?

 - A. Điều.
 - B. Chè.
 - C. Cao su.
 - D. Hồ tiêu.

Câu 23: Bộ phận nào của vùng biển nước ta nằm phía bên trong đường cờ sờ và tiếp giáp với đất liền?

 - A. Nội thủy.
 - B. Lãnh hải.
 - C. Tiếp giáp lanh hải.
 - D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 24: Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là

 - A. đất xám và đất phù sa.
 - B. đất badan và đất feralit.
 - C. đất phù sa và đất feralit.
 - D. đất badan và đất xám trên phù sa cổ.

Câu 25: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thành tựu trong sản xuất lương thực của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 - A. Là vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước.
 - B. Diện tích lúa cả năm lớn nhất nước ta.
 - C. Bình quân lương thực đầu người cao nhất nước ta.
 - D. Chiếm hơn 50% sản lượng lúa cả nước.

Câu 26: Ngành nào sau đây **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm của vùng Đồng bằng sông Hồng?

 - A. Chế biến lương thực thực phẩm.
 - B. Sản xuất hàng tiêu dùng.
 - C. Sản xuất vật liệu xây dựng.
 - D. Khai thác khoáng sản.

Câu 27: Dân cư và lao động ở Đông Nam Bộ **không** có đặc điểm nào sau đây?

 - A. Mật độ dân số thấp hơn cả nước.
 - B. Tỉ lệ dân thành thị cao.
 - C. Lực lượng lao động dồi dào.
 - D. Lao động lành nghề đông đảo.

Câu 28: Đất phù sa ngọt của Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

- A. Dọc sông Tiền và sông Hậu. B. Ven bờ Vịnh Thái Lan.
C. Bán đảo Cà Mau. D. Ven bờ biển Đông.

Câu 29: Thể mạnh nổi bật về tự nhiên để phát triển cây vụ đông ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đất phù sa màu mỡ. B. nguồn nước phong phú.
C. khí hậu có mùa đông lạnh. D. địa hình bằng phẳng.

Câu 30: Điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên giữa Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là

- A. địa hình cao nguyên xếp tầng. B. mùa mưa và mùa khô rõ rệt.
C. khí hậu phân hóa rõ theo độ cao. D. diện tích rừng tự nhiên chiếm tỉ lệ lớn.

Câu 31: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết hai đô thị nào sau đây của nước ta thuộc loại đô thị đặc biệt?

- A. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. B. Đà Nẵng và Cần Thơ.
C. Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. D. Hà Nội và Hải Phòng.

Câu 32: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, biểu đồ diện tích và sản lượng lúa cả nước qua các năm, hãy cho biết nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Diện tích tăng, sản lượng tăng. B. Diện tích tăng, sản lượng giảm.
C. Diện tích giảm, sản lượng tăng. D. Diện tích giảm, sản lượng giảm.

Câu 33: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất lớn nhất?

- A. Na Dương. B. Uông Bí. C. Ninh Bình. D. Phả Lại.

Câu 34: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Lạng Sơn. B. Quảng Ninh. C. Hà Giang. D. Lào Cai.

Câu 35: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Phúc Yên. B. Hà Nội. C. Hải Phòng. D. Việt Trì.

Câu 36: Thành phố Hà Nội **không** giáp với tỉnh nào sau đây?

- A. Phú Thọ. B. Bắc Ninh. C. Hà Nam. D. Hải Dương.

Câu 37: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA VIỆT NAM NĂM 2010 VÀ NĂM 2015

Năm	2010	2015	(Đơn vị: %)
Tổng số	100,0	100,0	
Nông, lâm, ngư nghiệp	21,0	17,4	
Công nghiệp, xây dựng	36,7	38,8	
Dịch vụ	42,3	43,8	

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP của nước ta năm 2010 và 2015 là

- A. cột. B. miền.
C. tròn. D. đường.

Câu 38: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2016

Năm	2005	2010	2012	2016	(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)
Xuất khẩu	32447,1	72236,7	114529,2	176580,8	
Nhập khẩu	36761,1	84838,6	113780,4	174803,8	

(Nguồn: Tổng cục thống kê 2018)

Nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016?

- A. Giá trị xuất khẩu tăng nhanh hơn giá trị nhập khẩu.
B. Giá trị xuất khẩu tăng, giá trị nhập khẩu giảm.

C. Giá trị xuất khẩu luôn lớn hơn giá trị nhập khẩu.

D. Giá trị nhập khẩu luôn lớn hơn giá trị xuất khẩu.

Câu 39: Cho bảng số liệu sau đây:

SỐ DÂN VÀ DIỆN TÍCH CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH NĂM 2015

Địa phương	Diện tích (km ²)	Số dân (nghìn người)
Hà Nội	3324,5	7216,0
TP.Hồ Chí Minh	2095,5	8146,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Mật độ dân số của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh năm 2015 lần lượt là

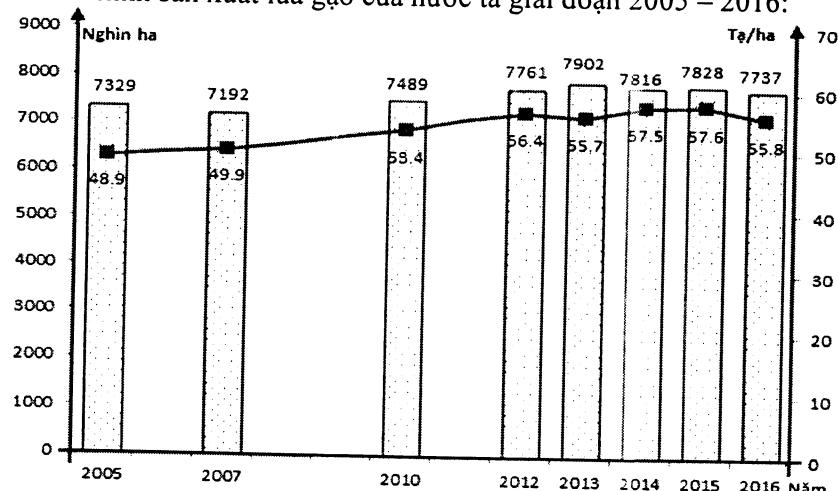
A. 4607 người/km² và 2572 người/km².

B. 2572 người/km² và 4607 người/km².

C. 3888 người/km² và 2171 người/km².

D. 2171 người/km² và 3888 người/km².

Câu 40: Cho biểu đồ về tình hình sản xuất lúa gạo của nước ta giai đoạn 2005 – 2016:



(Nguồn: Tổng cục thống kê 2018)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Sản lượng và năng suất lúa của nước ta giai đoạn 2005 – 2016.

B. Diện tích lúa cả năm và sản lượng lúa của nước ta giai đoạn 2005 – 2016.

C. Diện tích lúa cả năm và năng suất lúa của nước ta giai đoạn 2005 – 2016.

D. Năng suất và bình quân sản lượng lúa theo đầu người của nước ta giai đoạn 2005 – 2016.

-----Hết-----

- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.